TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ - ST
Ngày 28 - 8 - 2025
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm

Ông Trần Văn Học

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 –Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2025/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nay là Thôn H, xã V, tỉnh Phú Thọ, "có mặt".

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nay là Thôn P, xã Y, tỉnh Phú Thọ, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 3 năm 2025 và những lời khai tiếp theo tại tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phạm Văn H1 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Y, tỉnh Phú Thọ) vào ngày 23/11/2017. Sau khi kết hôn thì

chị về gia đình anh H1 làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình anh H1 tại thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian sau đến khoảng tháng 07 năm 2024 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hiểu tính cách của nhau, không tôn trọng nhau dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Kể từ tháng 9/2024, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho tới nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H1 không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa xong tại biên bản lấy lời khai, anh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H1 xác nhận về quá trình kết hôn, thời gian mâu thuẫn, thời gian ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Trong suốt thời gian ly thân anh có nhiều lần nói chuyện với chị H để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý, vợ chồng không về đoàn tụ được. Nay chị H đề nghị xin ly hôn, anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị H nên anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị H nhất quyết xin ly hôn anh thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh H1 xác định quá trình chung sống anh chị không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng mối quan hệ có tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, lập hồ sơ vụ án, cho các đương sự trình bày đầy đủ, lập biên bản giao nhận các văn bản tố tụng, tống đạt thông báo thụ lý, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời gian đúng quy định, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn H1.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H1 không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chị án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Thôn P, xã Y, tỉnh Phú Thọ) nên theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn thể hiện. Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Y, tỉnh Phú Thọ). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng tháng 7 năm 2024, thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không tôn trọng nhau. Do vậy đến tháng 9 năm 2024, chị H và anh H1 không sống chung cùng nhau nữa và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Mặc dù trong thời gian vợ chồng ly thân thì anh H1 cùng gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên ngăn để vợ chồng đoàn tụ nhưng vẫn không được. Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh Phạm Văn H1. Về phía anh H1 quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiên hành lấy lời khai của anh H1, anh trình bày: Anh vẫn còn tình cảm với chị H nên anh không đồng ý ly hôn. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H1 đến Tòa để làm việc, tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho hai vợ chồng đoàn tụ nhưng anh H1 không đến Tòa án làm việc, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này cho thấy anh đã không còn mong muốn vợ chồng đoàn tụ và việc xin đoàn tụ của anh là

không thực tâm. Hơn nữa kể từ tháng 9 năm 2024 đến nay anh chị đã sống ly thân với nhau, tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh H1, điều này chứng tỏ rằng chị H đã không còn tình cảm với anh H1 và anh H1 không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng trong suốt thời gian qua và hai bên cũng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh H1 để mỗi bên tạo lập cuộc sống mới như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H1 đều xác định quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H1 đều không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn H1.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H1 không có con chung.

3. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H1 không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003675 ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 10, chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ
- VKSND khu vực 10-Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 10-Phú Thọ;
- Ủy ban nhân dân xã Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hoàng Tuấn Mạnh